

VIỆC ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH CUỐI CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở PHÁP TRƯỜNG HỢP MÔN TIẾNG ANH

NGUYỄN QUỐC THẮNG^(*)

TÓM TẮT: Bài viết phân tích những đổi mới trong chương trình giảng dạy tiếng Anh dành cho học sinh cuối cấp trung học phổ thông ở Pháp thuộc dự án Trường trung học mới. Từ việc khảo sát những thay đổi trong chương trình bộ môn này, tác giả rút ra những định hướng và quan niệm của người xây dựng chương trình. Các định hướng và quan niệm này có thể là những tham khảo bổ ích cho việc xây dựng chương trình giảng dạy ngoại ngữ ở cấp phổ thông cũng như quá trình đào tạo giáo viên tiếng Anh của các trường đại học sư phạm ở Việt Nam.

Từ khóa: Dự án Trường trung học mới, chương trình giảng dạy, tiếng Anh.

ABSTRACT: This article highlights the components and trends of the redesigned English language teaching program for Grade 12 funded by the New School Project in France. Orientations and conceptions of curriculum design are discussed based on the findings which can be useful for foreign language education at high school level as well as for English teacher training at pedagogical colleges in Vietnam.

Key words: New School Project, redesigned language teaching curriculum, English.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cũng như bất cứ chương trình cải cách giáo dục nào của Pháp, dạy và học ngoại ngữ dành cho học sinh cuối cấp trung học phổ thông luôn đặt ra nhiều vấn đề: giảng dạy bao nhiêu ngoại ngữ, thứ tiếng nào là ngoại ngữ thứ nhất, giảng dạy nội dung nào, sử dụng phương pháp nào và hướng đến mục tiêu nào. Khác với những lần cải cách trước, dự án Trường trung học mới (*Nouveau lycée*¹) vào năm 2010 của Bộ Giáo dục Pháp hướng đến việc tạo ra cơ hội cho học sinh tiếp cận với ít nhất 2 ngoại ngữ (trong số tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Ả rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hê-bơ, tiếng Ý, tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Nga). Chính vì thế, chương trình không nhằm vào mục tiêu đào tạo cho học sinh đạt trình độ sử dụng ngôn ngữ thuần thục như người bản xứ

mà trước hết nhằm tạo điều kiện cho người học tiếp xúc và hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa của một đất nước. Trong số các ngoại ngữ mà chương trình giảng dạy cuối cấp trung học phổ thông đề xuất, tiếng Anh được nhiều học sinh lựa chọn làm ngoại ngữ thứ nhất.

2. NỘI DUNG

2.1. Những đổi mới về nội dung chương trình môn tiếng Anh dành cho học sinh cuối cấp trung học phổ thông ở Pháp từ năm 2010

Là quốc gia láng giềng của nước Anh, có nhiều chương trình giao lưu văn hóa với Mỹ, nhưng giáo dục Pháp đã luôn phải trăn trở về tình trạng dạy học tiếng Anh của mình. Bằng chứng là nhiều chương trình đổi mới giảng dạy ngoại ngữ đều được đánh giá là chưa khả quan. Nguyên nhân chính mà giới nghiên cứu thường

^(*)Thạc sĩ. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

nhắc đến là do thiếu biện pháp đồng bộ. Chương trình giảng dạy thuộc dự án Trường trung học mới đã nhấn mạnh vị trí của môn ngoại ngữ trước hết bằng việc tăng cường số tiết môn học này và tranh thủ những điều kiện của các môn học khác để tích hợp giảng dạy ngoại ngữ. Nhìn vào bảng phân phối chương trình của Sở Giáo dục Besançon sau đây chúng ta thấy rằng: trong tổng số 26 giờ học/ 1 tuần

của Tú tài ban L (Littérature) có đến 5 giờ học ngoại ngữ (Langue vivante) và 2 giờ học “Văn chương nước ngoài bằng tiếng nước ngoài” (Littératureétrangère en langue étrangère). Ngoài ra, chương trình còn hướng dẫn việc tích hợp các thuật ngữ khoa học bằng ngoại ngữ trong các môn học khác hoặc tổ chức các hoạt động đóng vai (Role-playing) trong các giờ ngoại khóa.

Các môn học bắt buộc	Số giờ theo phân ban		
	Ban Khoa học	Ban Kinh tế - Xã hội	Ban Văn chương
<i>Các môn chung</i>			
Tiếng Pháp	4 giờ	4 giờ	4 giờ
Lịch sử - Địa lý	4 giờ	4 giờ	4 giờ
Sinh ngữ 1 và 2	4,5 giờ	4,5 giờ	5 giờ
Thể dục thể thao	2 giờ	2 giờ	2 giờ
Pháp luật và xã hội	0,5 giờ	0,5 giờ	0,5 giờ
<i>Tổng số giờ môn chung</i>	<i>15 giờ</i>	<i>15 giờ</i>	<i>15 giờ</i>
<i>Các môn chuyên</i>	<i>Ban Khoa học</i>	<i>Ban Kinh tế - Xã hội</i>	<i>Ban Văn chương</i>
Toán học	4 giờ	3 giờ	
Khoa học (vật lý và khoa học kỹ thuật)	6 giờ	1,5 giờ	1,5 giờ
Khoa học kinh tế và xã hội		5 giờ	
Văn học Pháp			2 giờ
Văn học nước ngoài bằng tiếng nước ngoài	1 giờ	1 giờ	2 giờ
Tự chọn: Nghệ thuật, Tư duy phản biện, Toán ứng dụng			3 giờ
<i>Tổng số giờ môn chuyên</i>	<i>10 giờ</i>	<i>9,5 giờ</i>	<i>8,5 giờ</i>
Cố vấn học tập cho cá nhân học sinh	2 giờ	2 giờ	2 giờ
Tổng số giờ học	28 giờ	27,5 giờ	26 giờ

(Nguồn: *Phân phối chương trình theo tuần học dành cho Tú tài ban S, ES và L, Sở Giáo dục Besançon, 2010*)

Một nguyên nhân khác cũng thường được nhắc đến là các chương trình đổi mới trước đây chưa xác định một cách rõ ràng mục tiêu giáo dục. Chính vì thế, chương trình đổi mới giảng dạy ngoại ngữ của Pháp vào năm 2010 nêu rõ

mục tiêu: trong khuôn khổ của giáo dục học đường, giáo dục toàn diện và truyền thụ tri thức là nhiệm vụ chính yếu, thì việc học tập ngôn ngữ phải đi từ chiều kích văn hóa. Học một ngôn ngữ cũng chính là đi trên con đường tiếp

cận với các kiến thức về lịch sử, địa lý, chính trị, xã hội học, kinh tế, văn học và nghệ thuật. Những suy ngẫm của người học về xã hội và những biến động của xã hội thông qua các văn bản ngoại ngữ là cơ hội để họ có sự tự chủ trong chính kiến và làm quen với việc tư duy bằng ngoại ngữ. Các khả năng mà học sinh cần đạt được là kỹ năng tường thuật, miêu tả, giải thích, phân tích, bình luận, biện luận và tranh

luận bằng ngoại ngữ. Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của châu Âu (Cadre européen commun de référence pour les langues) là cơ sở cho việc đánh giá này. Trong hướng dẫn giảng dạy môn ngoại ngữ, Hội đồng giáo dục của Pháp quy định về trình độ cần đạt được của học sinh cuối cấp trung học phổ thông sau khi hoàn thành chương trình ngoại ngữ như sau:

Phần giảng dạy tổng quát bắt buộc và tự chọn	Ngoại ngữ thứ nhất	Ngoại ngữ thứ hai	Ngoại ngữ thứ ba
Compréhension de l'oral (Nghe hiểu)	B2	B1/B2	A2/B1
Interaction orale (Trương tác)	B1/B2	B1	A2
Expression orale (Nói)	B2	B1/B2	A2/B1
Compréhension de l'écrit (Đọc hiểu)	B2	B1/B2	A2/B1
Expression écrite (Viết)	B2	B1/B2	A2/B1

Phần giảng dạy chuyên sâu	Ngoại ngữ thứ nhất	Ngoại ngữ thứ hai
Compréhension de l'oral (Nghe hiểu)	B2/C1	B2
Interaction orale (Trương tác)	B2	B1
Expression orale (Nói)	C1	B2
Compréhension de l'écrit (Đọc hiểu)	C1	B2
Expression écrite (Viết)	B2	B2

(Nguồn: *Cadre européen commun de référence pour les langues: apprendre, enseigner, évaluer. Bộ Giáo dục Pháp, 2010*)

Việc đánh giá này dựa vào 5 kỹ năng và các yêu cầu trình độ cụ thể tương ứng với mỗi ngoại ngữ. Tuy không hướng đến việc đào tạo cho học sinh đạt trình độ sử dụng ngôn ngữ thuần thực như người bản xứ, nhưng những tiêu chí này có thể đánh giá được kỹ năng ngoại ngữ và việc vận dụng nó vào các lĩnh vực tri thức khác nhau của họ. Tuy nhiên, đối với mỗi ngôn ngữ lại có những đặc trưng riêng trong sự vận dụng này.

Đối với môn tiếng Anh, Hội đồng biên soạn nhấn mạnh: trọng tâm của chương trình là làm sáng tỏ những khác biệt giữa hệ thống ngôn ngữ Pháp và ngôn ngữ Anh, giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, giữa cách diễn đạt

của ngôn ngữ đời thường và văn phong khoa học, văn chương. Điều đó được thực thi thông qua việc làm cho học sinh nhận thức chức năng của các phương diện ở trong ngữ cảnh, tình huống và văn bản cụ thể. Nhận thức về cấu tạo của diễn ngôn nói và diễn ngôn viết, nhất là chỉ rõ cho học sinh hiểu biết về sự dịch chuyển giữa chúng là một trong những yêu cầu của việc lựa chọn các hoạt động giảng dạy. Chương trình khuyến khích những hình thức học tập đi từ cách tiếp cận này. Chẳng hạn, bằng việc tạo ra tình huống có sử dụng phương tiện giao tiếp trung gian như: nói chuyện qua điện thoại, trao đổi bằng phương tiện internet (*email, chat*), giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng một

văn bản viết hoàn chỉnh; hoặc dựa trên nội dung tin tức của các hãng thông tấn hay các văn bản viết, học sinh chuyển đổi thành các đoạn hội thoại hoàn chỉnh.

Về phương diện cú pháp, chương trình chú trọng đi sâu tìm hiểu các mệnh đề quan hệ, liên từ, các thể thức kết hợp, trạng từ (*yet, though...*). Về phương diện từ vựng, ưu tiên giảng dạy cách sử dụng nhóm từ vựng nguồn gốc Anglo-lô Xắc-xông (Anglo Saxon), và đặc biệt các *phrasal verbs* cũng như làm rõ sự khác biệt trong cách sử dụng các từ có nguồn gốc la-tinh (tiếng La tinh) trong văn viết (chẳng hạn như: *give up – abandon, carry on – continue, put off – postpone, ...*). Để tránh những nhầm lẫn do thói quen của tiếng mẹ đẻ trong kết hợp từ, cần lưu ý cho học sinh ý nghĩa không tương đương của nhiều trường hợp trong đối sánh với tiếng Anh (chẳng hạn như trường hợp

„assieds-toi” trong tiếng Pháp tương đương với *sit down*, nhưng không tương đương với *sit up*). Một cách tổng quát, cần hệ thống hóa cho học sinh cách dùng những động từ trong tiếng Anh luôn luôn có tính chất cụ thể, khác với trong tiếng Pháp, xu hướng giải thích bằng các danh từ trừu tượng là phổ biến. Về phương diện ngữ âm, chương trình nhấn mạnh đến việc hình thành kỹ năng nghe hiểu và rèn luyện kỹ năng nói. Những đặc điểm của các đơn vị siêu đoạn tính (suprasegmental units) của tiếng Anh, cách đánh trọng âm, ngữ điệu,... là những điều giáo viên cần lưu ý cho học sinh. Bên cạnh đó, cần chú trọng những ngoại lệ trong phát âm mà một học sinh nói tiếng Pháp có thể nhầm lẫn với những từ thông thường như: *politics, television, any, pretty, give, love, ...* Để giúp học sinh nhận biết sự phong phú của tiếng Anh, giáo viên có thể sử dụng tư liệu gốc hay video clip về ngữ âm cho thấy những khác biệt về âm vị học không chỉ tiếng Anh ở các vùng thuộc Anh hay ở Bắc Mỹ, mà còn sự khác biệt của tiếng Anh ở châu Phi, ở Ấn Độ, ở Úc.

Việc kiểm tra, đánh giá luôn đi từ các văn bản mang nội dung cụ thể và “có tính vấn đề” không chỉ về phương diện nhận thức nội dung mà cả về mặt ngôn ngữ. Chẳng hạn, bài kiểm tra đọc hiểu dành cho học sinh cuối cấp năm 2014 của Sở Giáo dục Montpellier tập trung vào một số đoạn trích trong tiểu thuyết *The Zigzag way* của Anita Desai. Mục đích là để cho học sinh “cảnh giác” về sự không tương đương trong “nghĩa từ điển” của tiếng Anh và tiếng Pháp. Mặt khác, thông qua đó, giáo viên có thể đánh giá về khả năng dịch thuật của học sinh với yêu cầu chuyển đổi các thì (tense) từ tiếng Anh sang tiếng Pháp. Ví dụ, với *he asked, Eric thought, he cried, he darted out* chỉ có thể thể chuyển sang thì quá khứ đơn (Le passé simple) trong tiếng Pháp; với *I came, I met, I never left* lại buộc phải chuyển sang thì quá khứ kép (le passé composé) hay đơn giản hơn với những trường hợp như *was playing* thì rõ ràng phải chuyển sang thì quá khứ tiếp diễn (l'imparfait) trong tiếng Pháp.

Tùy vào đối tượng, việc kiểm tra, đánh giá có thể thay thế bằng những kiến thức phù hợp với phân ban mà học sinh đã lựa chọn. Đối với phân ban L (littéraire), các bài thi không chỉ nhằm mục đích kiểm tra khả năng ngôn ngữ mà còn để đánh giá kiến thức về văn chương và triết học. Một bài thi cuối khóa về “Văn học nước ngoài bằng ngoại ngữ” thay thế cho việc kiểm tra thường kỳ. Ngoài ra, trong phần thi đọc hiểu, các văn bản yêu cầu học sinh phân tích cũng mang nội dung chuyên ngành phù hợp với phân ban của học sinh.

22. Những đổi mới trong định hướng và quan niệm xây dựng chương trình tiếng Anh dành cho học sinh cuối cấp trung học phổ thông ở Pháp từ năm 2010

Một trong những định hướng quan trọng của bộ môn tiếng Anh thuộc chương trình trung học mới là việc lưu ý giáo viên khi xây dựng chủ đề phục vụ cho môn học không đề cập lại

các kiến thức có trong các môn học khác. Mặt khác, việc sắp xếp kiến thức thuộc giai đoạn nào của môn tiếng Anh trong một học kỳ luôn đặt trong tính liên đới hỗ trợ hoặc và chú ý đến trật tự trước sau nhằm tạo ra tính thống nhất của một chương trình giảng dạy. Chẳng hạn, trong chương trình giảng dạy của phân ban Kinh tế và xã hội (Économique et sociale – E.S.), các kiến thức tổng quan về kinh tế nước Mỹ được sắp xếp cùng một học kỳ với chủ đề về thuế quan và thương mại của môn học tiếng Anh. Còn kiến thức về quá trình hình thành nước Mỹ và sự đa chủng tộc được sắp xếp trước so với các kiến thức về vấn đề phân biệt chủng tộc (racism) nhằm trang bị cho học sinh kiến thức nền tảng về lịch sử Hoa Kỳ trước khi tiếp cận với các văn bản bằng tiếng Anh về chủ đề này.

Chương trình cũng cho rằng: ngoại ngữ là môn học có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc góp phần chia sẻ với các môn học khác về các kiến thức mà học sinh cần trang bị. Chẳng hạn, đối với môn học Ngôn ngữ Pháp, môn Tiếng Anh sẽ giúp học sinh có một cái nhìn đối chiếu giữa hai ngôn ngữ, hai kiểu diễn ngôn, các thành phần cấu tạo của hai ngôn ngữ. Định hướng này nhằm mục đích tạo ra một hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ. Nhưng cũng chính vì thế, học sinh luôn có tâm thế quy chiếu về tiếng mẹ đẻ khi học tiếng Anh. Điều mà tinh thần của giáo dục ngoại ngữ hiện đại đòi hỏi phải “từ bỏ”. Đối với lịch sử và địa lý, môn Tiếng Anh là cơ hội giúp học sinh có cái nhìn đa chiều về thế giới đương đại. Từ đó, họ đặt ra những liên đới giữa các vấn đề của thế giới tự nhiên hay của lịch sử với các vấn đề của thế giới đương đại. Không những thế, học sinh sẽ tận dụng những kỹ năng diễn đạt, biện luận, bảo vệ chính kiến được rèn luyện trong môn học này để đóng vai trò tích cực trong các môn học khác. Ngược lại, việc tiếp cận những chủ đề đã được đề cập trong các môn học khác sẽ là nền

tảng cho học sinh hiểu và vận dụng tốt hơn nội dung đó trong việc diễn đạt bằng tiếng Anh.

Từ những định hướng trên, chương trình quan niệm rằng bộ môn Tiếng Anh dành cho học sinh cuối cấp có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh một cái nhìn toàn cảnh về sự phát triển của ngôn ngữ thông qua các sự kiện lịch sử và những biến đổi của văn hóa thông qua ngôn ngữ. Xây dựng chương trình giảng dạy tiếng Anh trước hết hướng đến mục đích tạo ra một môi trường kiến thức về văn hóa. Học sinh được đối diện với các vấn đề văn hóa, xã hội và lịch sử quan trọng cần hiểu biết. Quan niệm của quá trình xây dựng chương trình là: ngôn ngữ trở thành một công cụ để tiếp cận văn hóa và chỉ có thông qua các nội dung về văn hóa, xã hội và lịch sử ngôn ngữ mới biểu hiện đầy đủ những sắc thái của nó. Quả vậy, các trào lưu, trường phái, xu hướng văn hóa và kinh tế luôn tác động đến quá trình phát triển của ngôn ngữ. Tuy nhiên, nếu quá thiên về việc tạo ra cách thức tiếp cận nội dung văn hóa, thì sẽ làm các tiết học ngoại ngữ trong chương trình mang dáng dấp của tiết học về văn minh thế giới Anh ngữ. Cần phân biệt giữa phương tiện và đối tượng, cách thức và mục đích của mỗi môn học. Chẳng hạn, việc xem văn học là lĩnh vực mang lại những nội dung phong phú cho các phạm trù đã đề ra làm cho giáo viên nhiều khi nhầm lẫn về nhiệm vụ của môn học. Sử dụng các văn bản văn học làm phương tiện trong giảng dạy ngoại ngữ là một phương pháp truyền thống và phổ biến. Các mẫu hội thoại của thể loại kịch thường là tài liệu cho các lớp học ngoại ngữ theo phương pháp đóng vai (Role-playing), các đoạn trích của các tác phẩm văn học kinh điển thường là tài liệu cho phân đọc hiểu (Reading comprehension). Nhưng trước hết, trong các lớp học ngoại ngữ, văn bản văn học là công cụ, giáo viên sử dụng nó như một phương tiện để tiếp cận với đối tượng ngôn ngữ nhằm mục đích rèn luyện kỹ năng nghe – nói – đọc – viết. Việc am hiểu các nội dung đề

cập trong văn bản chỉ là thứ yếu. Trong giảng dạy ngoại ngữ, việc học sinh đưa ra các lý lẽ để tranh biện về các lĩnh vực của đời sống, xã hội không thuyết phục sẽ không nghiêm trọng bằng việc diễn đạt sai các mô thức ngôn ngữ.

Một điểm đáng lưu ý là, so với chương trình tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông ở Pháp trước năm 2010, chương trình hiện hành đã thay đổi khái niệm “Cộng đồng Anh ngữ” (*la communauté anglophone*) bằng khái niệm “Thế giới Anh ngữ” (*Le monde anglophone*). Ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ của tiếng Anh trên toàn thế giới đã góp phần làm thay đổi khái niệm này. Hơn thế nữa, nó đã cắt đứt sự liên đới giữa tiếng Anh và phạm trù chủng tộc Anh (*Englishness*) cũng như dần dần đoạn tuyệt với các thuật ngữ như: “*Anglophone literature*” (Văn học các nước nói tiếng Anh), “*Commonwealth literature*” (Văn học Khối Thịnh Vượng chung)... Sự tồn tại cố hữu các khái niệm trong tiếng Pháp như: “*la communauté francophone*” (cộng đồng Pháp ngữ), “*littérature francophone*” (văn học Pháp ngữ), ... không còn đủ sức lưu giữ quan niệm khu biệt ngôn ngữ dựa vào lịch sử của quá trình thuộc địa hay các cơ sở có tính chất chính trị và kinh tế. Chương trình giảng dạy tiếng Anh dành cho học sinh cuối cấp ở Pháp luôn đặt thế giới Anh ngữ trong so sánh với cộng đồng Pháp ngữ về lịch sử, thiết chế, quan niệm và những liên đới đa văn hóa. Điều quan trọng không phải là chỉ nhìn nhận bản sắc của một thế giới Anh ngữ, mà còn nên giúp người học biết nhận định và biện luận một vấn đề một cách độc lập. Nhưng điều này cũng ẩn giấu một sự tự hào về lịch sử, văn hóa và văn minh của cộng đồng Pháp ngữ.

Sau 6 năm thực hiện, chương trình cải cách giáo dục vào năm 2010 của Pháp đã mang lại cho bậc học phổ thông một diện mạo mới. Bên cạnh việc thay đổi nội dung chương trình giảng dạy ngoại ngữ, những dự án hỗ trợ như: “Trao đổi giáo viên vào dịp hè với các trường

trung học và đại học thuộc thế giới Anh ngữ”, “Luân chuyển giáo viên ra nước ngoài trong 1 năm học” (được gọi là “*Les programmes de mobilité*”), “Sáng lập các mạng lưới internet liên kết với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài” (được gọi là “*Les jumelages numériques*”), ... đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh. Đặc biệt, dự án

„,„Mỗi cơ sở đào tạo liên kết, đồng hành với ít nhất một cơ sở đào tạo trong thế giới Anh ngữ” (“*Chaque établissement noue un partenariat avec un établissement à l'étranger*”) đã tạo điều kiện cho mỗi học sinh có liên đới thực tế với cơ sở đào tạo nước ngoài và thực thi các khóa thực tập ngôn ngữ ngắn hạn. Ngoài ra, dự án còn có nhiều hoạt động giao lưu học thuật hữu ích cho giáo viên và học sinh. Lãnh đạo ngành giáo dục và giới nghiên cứu Pháp đều cho rằng chương trình đã mang lại những kết quả khả quan. Bằng chứng là, từ sau năm 2013, trong hầu hết các trường đại học ở Pháp, kết quả của kỳ thi tiếng Anh dành cho sinh viên năm thứ nhất có rất ít bài còn ở mức độ B1 thuộc khung tham chiếu châu Âu (đối với ngoại ngữ thứ nhất). Kết quả này có được là nhờ những tác động tích cực của chương trình trung học mới.

23. Bài học kinh nghiệm

Chúng tôi cho rằng, việc đổi mới giảng dạy ngoại ngữ trước hết phải bắt đầu từ đổi mới chương trình. Một chương trình có chiều sâu văn hóa, bám sát các yếu tố ngôn ngữ học và tạo ra sự tự do cho giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động dạy học trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Bởi, đối với việc giảng dạy ngoại ngữ, tính sáng tạo của người dạy và người học được khơi dậy cũng như hiệu quả của phương pháp được phát huy một cách tối đa khi các chủ thể ở trong một môi trường tự do có tính đối thoại.

Những kinh nghiệm đề xuất sau đây xuất phát từ thực tiễn quan sát những chuyển biến của việc giảng dạy tiếng Anh dành cho học sinh cuối cấp trung học phổ thông ở Pháp có thể

chưa đầy đủ nhưng là một trong những tham khảo cho các nhà biên soạn sách giáo khoa.

2.3.1. Hướng đến tính đối sánh trong ngôn ngữ và văn hóa

Trong mọi trường hợp, người học ngoại ngữ luôn tiếp nhận và rèn luyện thứ tiếng nước ngoài bằng tâm thế của một người có nền tảng văn hóa và sự lão luyện về ngôn ngữ mẹ đẻ. Chúng ta thường bắt ép tư duy người học buộc phải từ bỏ tâm thế này nhưng thực tế cho thấy đó là điều không thể. Giải pháp hữu hiệu là tích hợp đối sánh giữa hai nền văn hóa và hai ngôn ngữ. Giải pháp này vừa phù hợp với mục tiêu giáo dục là đào tạo những học sinh phát triển toàn diện về nhận thức, nhân cách và hiểu biết văn hóa. Đồng thời tạo cho họ một viễn cảnh trong nhận thức về sự giao lưu văn hóa trong thời đại toàn cầu hóa. Nó còn giúp khắc sâu trong người học những dấu ấn văn hóa Việt cần lưu giữ. Mặt khác, từ chiều kích ngôn ngữ học, những đối sánh về cách dùng từ đặt câu còn là cơ hội để học sinh nhận thức sâu sắc hơn về ngôn ngữ mẹ đẻ.

2.3.2. Thẩm nhuần quan điểm và phương pháp dạy học liên văn hóa

Michael Clyne (1996) từng nhận định một cách thấu đáo rằng: “Ngôn ngữ là sự thể hiện sâu sắc nhất một nền văn hóa, hệ thống giá trị bao gồm cả những giá trị thừa hưởng từ cộng đồng, và có một vai trò to lớn tác động đến cách thức sử dụng không chỉ ngôn ngữ thứ nhất mà cả những ngôn ngữ được tiếp thu sau đó” (tr.157). Mặt khác, tình huống dạy học ngoại ngữ thực chất cũng là tình huống tiếp xúc, giao lưu văn hóa. Tính liên văn hóa có thể được thể hiện trong mọi nội dung và hình thức của chương trình. Cần phân biệt quan điểm liên văn hóa trong xây dựng chương trình với việc đan xen những khía cạnh giao văn hóa vào một số nội dung chi tiết của chương trình. Thẩm nhuần quan điểm liên văn hóa tức là tạo ra cho người học một tâm thế đối thoại trong và chạm với các vấn đề văn hóa của ngoại ngữ mà họ đang

học ngay cả khi họ chỉ tiếp cận với những nội dung văn hóa đặc thù, xa lạ. Nghĩa là, chương trình không dừng lại ở việc hướng đến tạo dựng sự hiểu biết của người học mà còn phải thể hiện ở sự trải nghiệm giao văn hóa. Văn hóa nước ngoài không chỉ là đối tượng để hiểu biết mà còn để trải nghiệm, để sống. Chính tâm thế này là điều kiện tốt nhất cho người học phát triển nhanh các kỹ năng ngôn ngữ trên con đường hướng đến cách trình bày, sử dụng ngôn ngữ như người bản ngữ. Cung cấp nhiều thể loại văn bản khác nhau, đưa ra cách tình huống thực hành đa dạng, cho người học tìm hiểu nội dung bằng các đoạn phim về đất nước, con người, văn hóa, nghệ thuật,... được xem là những phương tiện hữu hiệu trong dạy học ngoại ngữ liên văn hóa. Tài liệu văn học, tài liệu thực tiễn và trải nghiệm tương tác là ba nội dung mà chương trình cần hoàn thiện.

2.3.3. Chú trọng tính thống nhất, logic và không lặp lại kiến thức trong chương trình giảng dạy

Khi xây dựng chương trình tiếng Anh, người biên soạn cần chú ý đến kiến thức thuộc các môn học khác trong cùng học kỳ hoặc năm học. Kiến thức văn hóa, xã hội cũng như khoa học kỹ thuật mà các môn học khác đề cập có thể là những đơn vị kiến thức bổ trợ hữu ích cho các bài đọc hiểu thuộc các chủ đề của chương trình tiếng Anh. Thực tế cho thấy, việc hiểu biết thấu đáo một chủ đề bằng tiếng Việt trước trong một môn học khác sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong tư duy khi học sinh đối diện với vấn đề liên quan trong giờ học ngoại ngữ. Ngược lại, không thể phủ nhận hiệu quả tích cực của phương pháp tư duy, cách thức diễn đạt và bố cục trình bày, những hiểu biết về một vấn đề nào đó của học sinh trong giờ học ngoại ngữ đối với các môn học khác. Nguyên tắc hỗ trợ về kiến thức giữa chương trình tiếng Anh và các môn học khác cần được người biên soạn chương trình chú trọng. Tuy nhiên, cần tránh sự lặp lại về kiến thức giữa các môn học. Cùng

một vấn đề nhưng chương trình tiếng Anh có thể khai thác ở phương diện khác nhằm hướng đến mục đích chính là rèn luyện khả năng phản xạ và tư duy bằng ngoại ngữ.

2.3.4. *Xác lập mối liên hệ mật thiết giữa chương trình môn tiếng Anh với chương trình Ngữ văn*

Cả hai môn học tiếng Anh và Ngữ văn đều vận dụng các chiêu kích ngôn ngữ học để triển khai vấn đề và phương pháp truyền thụ. Như đã trình bày ở trên, việc quy chiếu các kiến thức ngôn ngữ học của tiếng Anh đến các phạm trù của tiếng Việt không làm giảm bớt thói quen tư duy bằng ngoại ngữ của học sinh nếu chương trình định hướng cho học sinh khi tiếp cận với một số đơn vị kiến thức nhằm mục tiêu làm rõ hai kiểu diễn ngôn, các thành phần cấu tạo của hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, cần chú ý, mục đích của chương trình tiếng Anh là nhằm rèn luyện kỹ năng sử dụng và tư duy bằng ngoại ngữ. Chính vì thế, để tránh trường hợp một giờ học ngoại ngữ bị biến thành một giờ học ngôn ngữ học chuyên ngành, chương trình không nên đi sâu vào các khía cạnh ngôn ngữ học có tính hàn lâm. Cần bám sát tính thực dụng trong việc lựa chọn các đơn vị kiến thức cấu thành chương trình. Bên cạnh đó, ở một mức độ chuyên sâu, chương trình có thể triển khai một số văn bản miêu tả với một số biện pháp tu từ đơn giản mà học sinh đã được làm quen ở môn học Ngữ văn, thậm chí cả những hình thức của văn bản nghệ thuật. Hiệu quả đạt được của phạm vi này là học sinh sẽ có những nhận thức sâu sắc về thế giới ngôn ngữ cũng như phương pháp tư duy đa chiều trên nhiều cấp độ văn bản - điều mà bất cứ quá trình giáo dục ngôn ngữ nào cũng đều hướng đến.

2.3.5. *Cập nhật những thông tin thời sự trong các chủ đề giảng dạy*

Đề thi môn tiếng Anh của kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia năm 2016 đã có những câu hỏi thiết thực hoặc mang tính thời sự như việc Tổng thống Obama đến Việt Nam, vấn đề nông

ngiệp và tình hình thiên tai ở đồng bằng sông Cửu Long, vấn đề an toàn thực phẩm, vấn đề đuối nước ở trẻ em và kỹ năng sinh tồn. Tuy nhiên, tính thời sự cần được vận dụng một cách tổng hợp chứ không đơn thuần là những sự kiện riêng lẻ và cần được chú trọng như một khía cạnh tổng thể của việc biên soạn chương trình. Nghĩa là cần có những phần định hướng dành riêng cho giáo viên lựa chọn sự kiện thời sự cho bài học. So với đề thi môn tiếng Anh của Tú tài Pháp năm 2016, đề thi môn tiếng Anh của Việt Nam còn đơn giản và chưa được chú trọng đến chiều sâu văn hóa cũng như việc khơi dậy chính kiến ở thí sinh về những sự kiện thời sự². Trong đề thi dành cho phân ban ES (Kinh tế và Xã hội - Économique et Sociale) năm 2016 của Pháp, riêng phần đọc hiểu, hai đoạn trích thuộc *The Museum of Extraordinary Things* (Alice Hoffman), 2014 và của *Supreme City: How Jazz Age Manhattan Gave Birth to Modern America* (Donald L. Miller), 2014 đã bao hàm nhiều vấn đề có tính thời sự buộc thí sinh phải tư duy một cách đa chiều cả hai phương diện văn hóa lẫn ngôn ngữ.

2.3.6. *Xây dựng các đề án để bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên*

Một chương trình được cải biên theo tinh thần hiện đại, phù hợp với đối tượng người học nhưng nếu người dạy không nắm vững tinh thần đổi mới thì mặc nhiên sẽ không mang lại những kết quả như mong đợi. Chương trình trao đổi giáo viên với các nước thuộc thế giới Anh ngữ được quy định trong *Chương trình trung học mới* của Pháp không những nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân người dạy, tạo cơ hội cho họ cập nhật với các xu hướng khoa học mới mà chính họ còn là những người đưa ra những đề xuất tối ưu cho chương trình giảng dạy sau các khóa trải nghiệm thực tế ở các nước nói tiếng Anh. Hơn nữa, quá trình giảng dạy của một giáo viên đã từng va chạm trực tiếp với môi trường văn hóa bản ngữ sẽ mang lại nhiều thuận lợi không những về mặt

kiến thức ngôn ngữ mà còn về sự thấm nhuần văn hóa trong tâm thế của một người từng được trải nghiệm, khía cạnh mà giới nghiên cứu giảng dạy ngoại ngữ Pháp thường gọi là “phương pháp dẫn thân trọn vẹn” trong môi trường văn hóa bản ngữ (Méthode immergée)³.

3. KẾT LUẬN

Đổi mới chương trình giảng dạy ngoại ngữ nói chung và đổi mới chương trình giảng dạy tiếng Anh nói riêng, chính là đổi mới hình thức xây dựng bài học, cách thức tổ chức giảng dạy, nội dung văn hóa song song với đổi mới các nội dung ngôn ngữ học. Chúng tôi cho rằng, việc đổi mới chương trình trước hết phải bắt đầu từ nhận thức. Dạy học ngoại ngữ thực chất là giúp người học “sống” một lần nữa bằng tâm thế văn hóa khác, bằng cách giao tiếp mới và nhận thức mới không chỉ về ngôn ngữ, văn hóa mà còn về các giá trị khác của đời sống. Mặt khác, cần chú ý đến khía cạnh giúp người học cân bằng trong tiếp nhận ngôn ngữ và văn hóa để giữ gìn những giá trị văn hóa của ngôn ngữ mẹ đẻ. Cốt lõi của việc đổi mới là cần có tính đồng bộ, cần một giải pháp tổng thể. Nhưng buộc phải đổi mới theo từng bước, đổi mới từ chương trình của các cấp học thấp hơn để chuẩn bị cho việc đổi mới chương trình của cấp học cao hơn.

Việc nghiên cứu các chương trình giảng dạy tiếng Anh ở mọi cấp học của các nước tiên tiến trên thế giới để rút ra những bài học kinh nghiệm cho nước ta ngày càng thu hút sự chú ý của giới nghiên cứu và thiết kế chương trình. Phạm vi nghiên cứu, đánh giá chương trình được định hướng theo hai mục đích: phân tích, lý giải và định hướng chất lượng. Nghiên cứu trên đây còn nhằm làm rõ những đổi mới trong chương trình tiếng Anh của Pháp thuộc dự án *Trường trung học mới* từ năm 2010 ở trên hai

khía cạnh: định hướng và quan niệm. Từ đó, qua việc nhìn nhận thực tiễn giảng dạy tiếng Anh, bài viết đã rút ra một số kinh nghiệm cho việc xây dựng chương trình giảng dạy ngoại ngữ ở cấp phổ thông cũng như quá trình đào tạo giáo viên tiếng Anh của các trường đại học sư phạm ở Việt Nam.

Chú thích

¹Chương trình cải cách này được bắt đầu với năm học Tú tài đệ tam (la classe seconde - tương đương với lớp 10 bậc trung học phổ thông ở Việt Nam) từ năm 2010, năm học Tú tài đệ nhị (la première - tương đương với lớp 11 bậc trung học phổ thông ở Việt Nam) từ năm 2011 và Tú tài đệ nhất (La classe terminale - tương đương với lớp 12 bậc trung học phổ thông ở Việt Nam).

²Tuy đề thi không quá khó, nhưng nhìn vào kết quả thi trung học phổ thông quốc gia 2016 chúng ta thấy, tiếng Anh là môn thi có phổ điểm xấu nhất trong 8 môn thi. Theo tổng hợp của VnExpress, điểm bài thi môn tiếng Anh tập trung trong khoảng 2-4 điểm. Tỷ lệ thí sinh đạt điểm 2,25 chiếm cao nhất. Số bài thi bị điểm liệt (từ 1 trở xuống) chiếm khoảng 1% (52 bài). Thí sinh đạt được từ 5 điểm trở lên chiếm khoảng 8,8%. Hai nguyên nhân được luận bàn: đề thi quá khó, không phân loại được năng lực của các thí sinh hoặc năng lực ngoại ngữ của thí sinh rất yếu. Theo chúng tôi, nếu tình trạng này do nguyên nhân thứ nhất, thì có một nguyên nhân khác sâu xa hơn: đề thi đã chú trọng đến đổi mới nhưng không đồng bộ với chương trình. Những nỗ lực cập nhật bởi tính sáng tạo của người ra đề thiếu một giải pháp xuyên suốt bắt nền từ quá trình giảng dạy. Nếu tình trạng này do nguyên nhân thứ 2, thì nguyên nhân sâu xa hơn sẽ có nhiều vấn đề cần xét đến, trong đó có vấn đề chương trình giảng dạy.

³Cả giới nghiên cứu Pháp và Anh đều đề cao khía cạnh “Immersion linguistique” (tiếng Anh: “Language immersion”) trong giảng dạy ngoại ngữ. Cơ sở của phương pháp này được triển khai dựa trên những phản xạ của quá trình tri nhận (cognition) và sự bắt chước (Imitation) có tính tổng hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hòa (2000). *Giá trị văn hóa và giao tiếp ngôn ngữ*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Thành tố văn hóa trong dạy và học ngoại ngữ”, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Tôn Nữ Như Hương (2010). “Vấn đề tiếng Anh chuẩn và tiếng Anh quốc tế: những hàm ý cho việc giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Huế, (số 60): 117-132.
3. Nguyễn Quốc Thắng (2014). “Một số định hướng trong việc xây dựng chương trình đào tạo đại học bộ môn Anh văn chuyên ngành Ngữ văn ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Giáo dục*, Đại học Sư phạm Đà Nẵng, (số 11 - 02): 99-104.
4. M. H. Abrams (2006). *The Norton Anthology of English Literature*, 8th Edition, W.W. Norton & Company.
5. Michael Clyne (1996). *inter-cultural communication at work: discourse structures across cultures*, Cambridge University Press, Cambridge.
6. Jeremy Harmer (2007). *How to Teach English: An introduction to the practice of English language teaching* (2nd Edition), Longman ELT.
7. A. Paran. (2008). “The role of literature in instructed foreign language learning and teaching: An evidence-based survey”, *Language Teaching*, 41/4, pp. 465-496.
8. *Conseil de l'Europe* (2000). *Cadre européen commun de référence pour les langues: apprendre, enseigner, évaluer*, Didier.
9. Fouzia Ounis (2012). “Rivalité entre le français et l'anglais: mythe ou réalité?”, *Synergies*, Algérie, N° 17, pp. 87-92.
10. *Ministère de l'Éducation nationale, de l'Enfance et de la Jeunesse* (2004). *Programmes des lycées, Langues vivantes, Bulletin officiel de l'éducation nationale hors série*, n°5 du 9 Sept.
11. *Ministère de l'Éducation nationale, de l'Enfance et de la Jeunesse* (2010). “Langue vivantes au Lycée d'enseignement général et technologique”, *Bulletin officiel de l'éducation nationale*, 2010-008 n°7, 29 Janvier.

Ngày nhận bài: 21/8/2017. Ngày biên tập xong: 9/9/2017. Duyệt đăng: 06/10/2017